

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2018
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Ông Phan Văn Truệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc T1, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

(Có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Thanh H, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2017 của bà Đỗ Thị Ngọc T1 và những lời trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Võ Thanh H được hai bên gia đình tổ chức cưới vào năm 2003 và từ đó sống chung với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa tỉnh Long An (nay là thị xã Kiến Tường tỉnh Long An). Cuộc sống chung hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và bà không có thiện chí để hàn gắn

lại. Bà T1 xác định không còn tình cảm với ông H. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Trong quá trình sống chung, bà và ông H có 01 con chung là cháu Võ Tấn T2, sinh ngày 09/7/2005. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Cam kết không có nợ chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Đỗ Thị Ngọc T1 và ông Võ Thanh H tự nguyện tìm hiểu tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, từ đó hai người chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01, ngày 23/12/2003. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà T1 và ông H là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T1 có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông H là bị đơn cư trú tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207, 209 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông H vắng mặt. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt ông Hùng là đúng theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa, bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông H. Vì cho rằng không còn tình cảm với ông H, không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Xét thấy, bà T1 cương quyết yêu cầu ly hôn, bà không có thiện chí để đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc vì không còn tình cảm với ông H. Tòa án đã tổng đạt thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt, điều đó thể hiện ông H không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người, không có ý muốn đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2] Do đó, xét thấy cuộc sống chung giữa bà T1 và ông H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Võ Tấn T2, sinh ngày 09/7/2005, giới tính nam. Bà T1 yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, mặt khác cháu T2 có nguyện vọng sống với mẹ sau khi ly hôn. Vì vậy, cần giao con chung cho bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí dân sự đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ngọc T1 được ly hôn với ông Võ Thanh H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Tấn T2, sinh ngày 09/7/2005, giới tính nam cho bà Đỗ Thị Ngọc T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T1 không yêu cầu ông Võ Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Buộc bà Đỗ Thị Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006550 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. (Bà T1 đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hay niêm yết bản án đúng theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THA-DS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã B, TX. K, tỉnh Long An
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bích Tuyên